



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM - 60 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

PGS., TS. Lê Thị Mận
ĐH Bình Dương

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập ngành, chúng ta cùng nhau ôn lại lịch sử ngành ngân hàng để thấy rằng: Đảng và Chính phủ Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng đã trải qua chặng đường vô cùng gian nan, đấu tranh xây dựng một nền tiền tệ độc lập và tự chủ cho nước nhà. Ngày 6/5/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 15/SL thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, đánh dấu mốc quan trọng cho sự ra đời của ngành ngân hàng Việt Nam. Qua 60 năm xây dựng và phát triển - hệ thống ngân hàng Việt Nam đã và đang khẳng định vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển đi lên của nền kinh tế Việt Nam.





Giai đoạn từ năm 1945-1988

Cách đây 66 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhân dân ta đã vùng lên giành được chính quyền trong tay Phát xít Nhật. Cách mạng Tháng 8 thành công, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Chính quyền cách mạng thành lập trong hoàn cảnh khó khăn về nhiều mặt: chính trị, ngoại giao, kinh tế, tài chính, văn hóa

Về tài chính, tiền tệ: đồng bạc Đông Dương đã lạm phát trầm trọng, tiền lưu hành từ 216 triệu - năm 1939 đã tăng lên 2.333 triệu - tháng 8/1945, nhất là trong khoảng thời gian Nhật thuộc. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, quân đội Tưởng giới Thạch với danh nghĩa quân đội Đồng minh đến tước khí giới quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra, đã tung ra tiền "Quan kim" và tiền "Quốc tệ" để chi tiêu ở Việt Nam với tỷ giá 1 Quan kim ăn 1,5 đồng Đông Dương và 13,30 Quốc tệ ăn 1 đồng Đông Dương.

Do chưa có điều kiện phát hành tiền tệ, trong thời gian đầu Chính phủ phải tạm thời sử dụng tiền Đông Dương, nên đã gặp nhiều khó khăn về tài chính. Để khắc phục khó khăn Chính phủ đã phát động các phong trào đóng góp cho "Quỹ độc lập, "Tuần lễ vàng". Các phong trào được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng và "Tuần lễ vàng" đã đem lại kết quả và giải quyết được một phần khó khăn về tài chính của Chính phủ ta lúc bấy giờ.

Vì không chiếm được Ngân hàng Đông Dương trong tay Nhật, Pháp nên trong thời kỳ đầu ta còn phải tạm thời sử dụng đồng bạc Đông Dương, nhưng về sau Đảng và Chính phủ ta đã đặt vấn đề tích cực chuẩn bị để phát hành tiền tệ của nước nhà.

Theo Sắc lệnh số 18/B, ngày 31/01/1946 Tiền Tài chính (do Bộ Tài chính phát hành nên còn

gọi là giấy bạc Tài chính) được phát hành ở các tỉnh miền Nam Trung bộ, nhưng vì hoàn cảnh lúc bấy giờ không đủ điều kiện in bạc nên ta chưa thể phát hành tiền tài chính và thu hồi Giấy bạc Đông Dương trong cả nước ngay một lúc được.

Ngày 31/11/1946, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kỳ họp thứ II quyết định cho phát hành tiền tài chính trong phạm vi cả nước, nhưng lúc đầu phạm vi phát hành còn hẹp, mãi đến sau kháng chiến toàn quốc, việc thu hồi Giấy bạc Đông Dương và phát hành tiền tài chính mới được tiến hành rộng rãi. Sắc lệnh số 48/SL, ngày 15/05/1947 đã cho phát hành các loại bạc 1đ, 5đ, 10đ, 20đ, 50đ, 100đ và sau đó phát hành loại bạc 200đ và 500đ.

Có thể nói rằng lần đầu tiên trong lịch sử, giấy bạc ngân hàng Việt Nam của nước Việt Nam độc lập ra đời là một thắng lợi vô cùng to lớn trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Vì hoàn cảnh chiến sự, giao thông vận tải khó khăn và điều kiện kinh tế khác nhau nên đã hình thành các khu vực tiền tệ riêng biệt, theo Sắc lệnh số 231/SL, ngày 18/07/1947, vùng tự do Bắc bộ và Bắc Trung bộ lưu hành bạc tiền tài chính Trung ương. Ở các tỉnh Liên khu V lúc đầu lưu hành tiền tài chính Trung ương, sau lưu hành tín phiếu. Theo Sắc lệnh số 102/SL, ngày 1/11/1947, ở Nam bộ Chính phủ cho phép lưu hành giấy bạc riêng.

Từ năm 1946-1951 tiền Việt Nam đã đóng vai trò trọng yếu trong việc động viên nhân lực, vật lực, tài lực của nhân dân vào công cuộc kháng chiến, bảo vệ tài sản của nhân dân ta. Nhưng vào khoảng cuối năm 1950 và đầu năm 1951, do địch đánh lan rộng ra các vùng đồng bằng Bắc bộ và đánh mạnh vào các khu căn cứ du kích ở hậu phương ta và một phần do việc quản lý của ta còn yếu nên tiền tài chính mất giá, vật giá leo thang, gây hậu quả xấu cho



cuộc sống nhân dân và khó khăn muôn vàn về tài chính cho Đảng và Chính phủ. Phạm vi lưu hành tiền ta dần bị thu hẹp, nhiều nơi tiền địch đã lấn thị trường tiền ta.

Để ổn định tiền tệ, một trong những biện pháp được Đảng đề ra là phải thành lập ngân hàng và giao cho ngân hàng phát hành tiền, thu hồi tiền tài chính, tiến hành điều hòa và mở rộng phạm vi lưu thông tiền tệ, củng cố giá trị bạc Việt Nam, củng cố nền tiền tệ độc lập tự chủ, phục vụ cho việc phát triển và bảo vệ sản xuất, đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, góp phần giải quyết nhu cầu của kháng chiến và cải thiện đời sống nhân dân.

Ngày 6/5/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 15/SL cho phép thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam với các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Quản lý việc phát hành giấy bạc và tổ chức điều hòa lưu thông tiền tệ.
- Huy động vốn của nhân dân, điều hòa và mở rộng tín dụng để nâng cao sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế nhà nước.
- Quản lý ngân khố nhà nước.
- Quản lý quỹ tiền lương.
- Quản lý hoạt động tín dụng bằng các thể lệ hành chính.
- Quản lý ngoại hối và thanh toán các khoản giao dịch bằng ngoại tệ
- Đấu tranh tiền tệ với địch

Ngân hàng Quốc gia Việt Nam có hệ thống tổ chức xuống các khu, các tỉnh, ngoài ra còn có các chi nhánh ngân hàng xuất nhập khẩu ở các cửa khẩu, ở những nơi có tổ chức trao đổi hàng hóa với vùng tạm bị chiếm. Riêng ở Nam bộ do điều kiện đặc biệt của tình hình lúc bấy giờ, nên Chính phủ đã chủ trương thành lập Ngân hàng Nhân dân Nam bộ, về phương châm đường lối chung thì chịu sự chỉ đạo của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, còn về công tác thì được rộng quyền trong việc tiến hành các nghiệp vụ cụ thể cho sát với tình hình địa phương.

Như vậy, ngày 6/5/1951 là sự kiện lịch sử trọng đại đánh dấu mốc quan trọng cho sự ra đời và phát triển của hệ thống Ngân hàng Việt Nam. Đến ngày 21/1/1960, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam – để phù hợp với Hiến pháp năm 1959 và tránh sự trùng tên với ngân hàng của chính quyền Sài Gòn.

Ngày 30/4/1975, miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước Việt Nam thống nhất về lãnh thổ, Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã thực hiện việc tiếp quản hệ thống ngân hàng miền Nam Việt Nam. Từ tháng 7/1976, toàn bộ hệ thống ngân hàng ở miền Nam Việt Nam hợp nhất với NHNN Việt Nam trở thành Ngân hàng Trung ương của nước Việt Nam thống nhất. NHNN Việt Nam được tổ chức thành hệ thống thống nhất từ Trung ương đến địa phương, do nhà nước độc quyền sở hữu và quản lý.

Năm 1978, đất nước Việt Nam mới thống nhất về phương diện nhà nước và ngày 2/5/1978 đã tiến hành cuộc thu đổi tiền để thống nhất lưu hành tiền tệ trong phạm vi cả nước theo quy định miền Bắc đổi 0,8 đồng tiền cũ bằng 1 đồng tiền mới, miền Nam đổi tỷ lệ 1 đồng tiền cũ bằng 1 đồng tiền mới. Từ đây trên lãnh thổ Việt Nam thống nhất lưu hành một loại tiền tệ.

Giai đoạn từ năm 1988 đến nay

Thời kỳ năm 1988-1990, là giai đoạn đánh dấu bước chuyển biến quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, cả đất nước bắt đầu bước vào công cuộc đổi mới nền kinh tế, theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VI và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI. Để hội nhập với tiến trình đổi mới của đất nước, những hoạt động của hệ thống ngân hàng cũng cần phải được cải cách cho phù hợp với những bước đổi mới của nền kinh tế Việt Nam, từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành



phần với cơ chế hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Ngày 26/3/1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 53-HĐBT về tổ chức bộ máy NHNN Việt Nam. Theo tinh thần Nghị định này, hệ thống ngân hàng Việt Nam bao gồm hai cấp:

- NHNN Việt Nam có trụ sở chính tại 49 Lý Thái Tổ, thủ đô Hà Nội; Văn phòng II tại 17 Bến Chương Dương, Tp. Hồ Chí Minh và có các chi nhánh ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. NHNN Việt Nam hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Các ngân hàng chuyên doanh trực thuộc NHNN Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Những đổi mới của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn 1988-1990 được xem là bước đột phá quan trọng, song vẫn còn mang tính chất chấp vá, chưa thực sự đổi mới triệt để về mọi mặt, từ công tác tổ chức đến công tác điều hành và các hình thức hoạt động nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng. Nó chưa thực sự là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, do đó năm 1990 ngân hàng đã có những bước cải tổ quan trọng - đưa hệ thống ngân hàng Việt Nam tiến dần đến một hệ thống ngân hàng hiện đại của thế giới. Quá trình cải tổ hệ thống ngân hàng Việt Nam có thể chia làm các bước:

- Thứ nhất: tách chức năng, nhiệm vụ hoạt động của Kho bạc Nhà nước ra khỏi chức năng nhiệm vụ hoạt động của ngân hàng

- Thứ hai: ngày 24/5/1990, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ký Sắc lệnh công bố hai Pháp lệnh là Pháp lệnh NHNN Việt Nam số 37/LCT/HĐNN8 và Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã Tín dụng, Công ty Tài chính số 38/LCT/HĐNN8. Hai pháp lệnh này trở thành cơ sở pháp lý để củng cố và phát triển hệ thống ngân hàng hai cấp ở Việt Nam.

- Thứ ba: ngày 26/12/1997, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký lệnh

công bố hai Luật Ngân hàng là Luật NHNN Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật các Tổ chức Tín dụng số 01/1997/QH10. Theo quy định của hai Luật này, hệ thống ngân hàng Việt Nam được tổ chức như hệ thống ngân hàng hiện đại ở các nước, bao gồm NHNN Việt Nam là Ngân hàng Trung ương của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, chức năng chủ yếu là phát hành tiền và quản lý nhà nước về tiền tệ và các hoạt động ngân hàng và các tổ chức tín dụng có chức năng chủ yếu là kinh doanh tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng.

Ngày 16/6/2010, tại kỳ họp thứ VII của Quốc hội khóa XII thông qua hai Luật: Luật NHNN Việt Nam số 46/2010/QH12 và Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12. Hai Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2011, đánh dấu một bước tiến mới trong hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Nhìn lại 60 năm (6/5/1951 – 6/5/2011) một chặng đường đầy khó khăn nhưng hào hùng và oanh liệt, từ tay không chúng ta đã có ngân hàng, cho đến ngày hôm nay, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã từng bước vươn lên thực sự trở thành công cụ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế nước nhà ■

Tài liệu tham khảo

1. Ngân hàng Nhà nước (1997, 2010), Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/97/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/03/QH11; Luật các Tổ chức Tín dụng số 02/97/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng số 20/03/QH11. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 và Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12.
2. Trần Dương – Phạm Thọ (1960), Lưu thông tiền tệ ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà xuất bản Sự thật.
3. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1971), Lịch sử Việt Nam, Tập 1, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
4. Trang web <http://www.thuvienphapluat.com>